

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình về ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trương Phước Công;
 2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 482/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phan Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 78, Tổ 03, ấp TL, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.
2. *Bị đơn:* bà Trần Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: số nhà 78, Tổ 03, ấp TL, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày, giữa ông với và bà H do tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ,

huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại ấp Tấn Lợi, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chung sống đến đầu năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên của nhân của mâu thuẫn là do bà H có tình cảm và đi theo người đàn ông khác, do đó, vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi ông phát hiện vợ tôi có tình cảm với người đàn ông khác thì cũng là lúc vợ chồng sống ly thân, khi ly thân, tôi đã nhiều lần liên lạc để động viên, khuyên ngăn bà H về chung sống để chăm lo gia đình, con cái, tuy nhiên bà H không nghe lời và không có mong muốn quay trở lại để chung sống với ông. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà H.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phan Trọng Ng, sinh ngày 09/10/2009 và Phan Trọng Th, sinh ngày 24/02/2012. Hiện con chung tên Phan Trọng Ng đang do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Phan Trọng Th đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Trọng Ng, sinh ngày 09/10/2009, ông đồng ý để chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con Phan Trọng Th, sinh ngày 24/02/2012. Ông không cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông đang làm công nhân cho công ty Hải Nam ở Th phố Thủ Đức, thu nhập mỗi tháng từ 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng. Ông có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Ông Phan Văn T trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình, rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà Trần Thị H vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Ông Phan Văn T đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản đúng quy định nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi

văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 xét xử vắng mặt bà H.

Về việc giải quyết vụ án: ông Phan Văn T và bà Trần Thị H kết hôn có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống đến đầu năm 2022 giữa ông T, bà H xảy ra mâu thuẫn, do bà H có mối quan hệ với người khác, nay tình cảm của ông T với bà H không còn, nên ông T đề nghị ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Trọng Ng, sinh ngày 09/10/2009 và Phan Trọng Th, sinh ngày 24/02/2012; cháu Ng ông T đề nghị nuôi, đồng ý để cháu Th do bà H tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với ý kiến của cháu Ng, cháu Th, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Th cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; cả ông T, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bà Trần Thị H, cả ông T và bà H đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T trình bày do cả hai sau thời gian quen biết, nên đã tiến tới hôn nhân từ năm 2009, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; ông T, bà H đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, ông T khẳng định không còn tình cảm với bà H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà H và ông không chung quan điểm sống, bà H có người đàn ông khác, và cả hai cũng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2022, trong thời gian tự sống ly thân cả hai có liên lạc để hàn gắn tình cảm, nhưng bà H không đồng ý, tới nay ông cũng không còn tình cảm với bà H. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ cho bà H, nhưng bà H không có mặt, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ bà H đã từ bỏ quyền của mình.

Cho thấy, tình cảm giữa ông T và bà H là có mâu thuẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc ông T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống giữa ông với bà H có 02 con chung tên Phan Trọng Ng, sinh ngày 09/10/2009 và Phan Trọng Th, sinh ngày 24/02/2012, cháu Ng hiện nay đang sống với ông T, còn cháu Th đang chung sống với bà H. Sau ly hôn ông đề nghị nuôi cháu Ng, đồng ý để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, ông không phải cấp dưỡng nuôi con, cũng như không đề nghị bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Ng đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; ông T cũng yêu cầu nuôi con, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng, mong muốn được sống với ông T trong trường hợp ông T, bà H ly hôn; cháu Th cũng đang do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu muốn được chung sống với bà H, trong trường hợp ông T, bà H ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu Ng, Th, giúp các cháu Ng, Th phát triển tốt về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ng cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Th cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu, bà H vắng mặt không ghi nhận được ý kiến, nên Hội đồng xét xử thống nhất không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn T với bà Trần Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn T được ly hôn với bà Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2009, quyển số 01 ngày 02 tháng 6 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Phan Văn T và bà Trần Thị H, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho ông Phan Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Trọng Ng, sinh ngày 09/10/2009 và giao cho bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Trọng Th, sinh ngày 24/02/2012. Ông Phan Văn T và bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Phan Văn T, bà Trần Thị H cùng các Th viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H, ông Phan Văn Trường trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004646 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18 tháng 5 năm 2022;

Ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Ông Phan Văn T có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên